

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp Đại học hệ tại chức - quý III/2009

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 3676/GD-ĐT ngày 09/12/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ không chính quy;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-GDDT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đại học tại chức đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế, Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học tại chức cho 168 sinh viên; Vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành học	Khóa 2004-2007	Khóa 2005-2008	Khóa 2006-2008	Khóa 2007-2009	Cộng
1	Tài chính	03	-	-	-	03
2	Kế toán	-	03	27	135	165

Điều 2. Trưởng khoa, phòng liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu Văn thư, ĐT



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ III NĂM 2009

Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thừa Thiên Huế

Theo quyết định số : *341* /QĐ-ĐHNT, ngày *11* tháng 8 năm 2009

Loại hình đào tạo: Đại học tại chức

1. Ngành Tài chính

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	C104TC016	Phan Thị Thu Hà	30/06/1980	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU04TC-A
2	C104TC322	Bạch Chơn Hiếu	20/07/1979	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU04TC-B
3	C104TC356	Phan Cảnh Sinh	27/05/1981	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU04TC-B

Danh sách này có 03 sinh viên

2. Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	C105DN013	Đặng Thị Hà	22/06/1978	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU05DNTC
2	C105DN028	Nguyễn Thị Ngọc Minh	01/07/1978	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU05DNTC
3	C105DN043	Hoàng Thị Hồng Nhung	09/07/1980	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU05DNTC
4	C106DN311	Nguyễn Thị Kim Ánh	01/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
5	C106DN312	Trương Thị Ngọc Ánh	16/12/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU06DNTC
6	C106DN316	Lê Viết Công	20/05/1979	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
7	C106DN318	Trần Quang Tú Cường	15/11/1984	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU06DNTC
8	C106DN320	Nguyễn Thị Danh	18/08/1984	Nghệ An	Trung bình	HU06DNTC
9	C106DN329	Hoàng Thị Thu Dung	06/06/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
10	C106DN339	Dương Thị Viết Hà	06/09/1983	Quảng Bình	Khá	HU06DNTC
11	C106DN344	Hoàng Như Hội	17/02/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
12	C106DN350	Nguyễn Thị Diệu Hương	22/08/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
13	C106DN358	Nguyễn Ngọc Huy	11/06/1978	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU06DNTC
14	C106DN367	Lê Thị Hồng Liên	20/10/1984	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU06DNTC
15	C106DN374	Nguyễn Văn Minh	09/02/1983	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU06DNTC
16	C106DN375	Lý Tiểu My	04/06/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
17	C106DN387	Đỗ Thị Yến Nhi	27/10/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
18	C106DN394	Trần Thị Nhược Phụng	20/05/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
19	C106DN400	Ngô Thị Như Quỳnh	08/06/1980	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
20	C106DN403	Nguyễn Thị Sương	04/06/1981	Quảng Bình	TB Khá	HU06DNTC
21	C106DN408	Trần Thị Thanh	09/11/1982	Nghệ An	TB Khá	HU06DNTC
22	C106DN411	Nguyễn Hải Diệu Thanh	17/05/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
23	C106DN424	Mai Xuân Thương	06/12/1973	Quảng Bình	Trung bình	HU06DNTC
24	C106DN426	Lê Thị Thu	15/11/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
25	C106DN434	Trần Thị Tình	06/09/1978	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU06DNTC
26	C106DN435	Trần Quốc Toàn	14/09/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU06DNTC
27	C106DN440	Nguyễn Thị Minh Trang	07/09/1982	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU06DNTC
28	C106DN452	Trần Quốc Việt	01/01/1984	Quảng Bình	TB Khá	HU06DNTC
29	C106DN453	Võ Hoàng Quốc Việt	10/11/1983	Kon Tum	TB khá	HU06DNTC
30	C106DN456	Trần Thị Hoàng Yến	15/07/1983	Thừa Thiên Huế	TB khá	HU06DNTC
31	C106DN1459	Nguyễn Hà Tú Anh	20/10/1970	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
32	C106DN1223	Nguyễn Thị Ánh	10/09/1980	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-1
33	C106DN1263	Hoàng Thanh Bình	07/07/1973	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
34	C106DN1205	Trần Thị Gia Bửu	01/12/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
35	C106DN1244	Huỳnh Thị Mỹ	Châu	05/11/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
36	C106DN1355	Trương Thị Trân	Châu	07/10/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
37	C106DN1334	Trần Thị Kim	Chi	30/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
38	C106DN1335	Lê Mai	Chi	03/07/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
39	C106DN1500	Dương Thị	Cúc	25/07/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
40	C106DN1438	Ngô Thị Thùy	Dương	10/05/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
41	C106DN1337	Trần Thị Huyền	Giang	12/02/1981	Hà Nội	TB Khá	HU07DN-1
42	C106DN676	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	23/09/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
43	C106DN1209	Bùi Thị Bích	Hằng	07/03/1982	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-1
44	C106DN1210	Phan Thị Như	Hằng	10/05/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
45	C106DN1311	Nguyễn Thị Thu	Hằng	03/09/1981	Quảng Bình	Trung bình	HU07DN-1
46	C106DN1338	Trần Thị Nhân	Hạnh	13/11/1976	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
47	C106DN1439	Nguyễn Mỹ	Hạnh	08/10/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
48	C106DN1281	Nguyễn Thị Bích	Hà	08/08/1980	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
49	C106DN1483	Đặng Thị	Hải	01/05/1970	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
50	C106DN1342	Trần Đại	Hiền	01/01/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
51	C106DN1399	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	02/09/1980	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
52	C106DN1267	Hồ Thị ánh	Hồng	04/05/1984	Quảng Trị	TB Khá	HU07DN-1
53	C106DN1441	Nguyễn Thanh	Hưng	27/07/1964	Quảng Trị	TB Khá	HU07DN-1
54	C106DN1268	Trần Thị Ngọc	Hương	26/01/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
55	C106DN1374	Phạm Thị Mỹ	Hương	26/10/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
56	C106DN1246	Dương Phước	Huy	27/08/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-1
57	C106dn1237	Nguyễn Thị Như	Khánh	02/09/1983	Thừa Thiên Huế	Khá	HU07DN-1
58	C106DN1377	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/10/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
59	C106DN1433	Lê Thị Phương	Linh	29/11/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
60	C106DN1283	Trần Thị Thanh	Luyên	25/06/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
61	C106DN1421	Nguyễn Thị	Ly	03/02/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
62	C106DN1445	Nguyễn Thị	Lý	01/04/1976	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
63	C106DN1238	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	15/01/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
64	C106DN1350	Lê Thị Ngọc	Mơ	10/09/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
65	C106DN1284	Đào Thị Trà	My	02/11/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
66	C106DN1383	Nguyễn Thị Trà	My	15/02/1986	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
67	C106DN1447	Nguyễn Thị Trà	My	07/12/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
68	C106DN1352	Võ Thị Diệu	Nga	11/12/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
69	C106DN1404	Võ Thị Kiều	Nga	02/11/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
70	C106DN1464	Nguyễn Thị Thanh	Nga	01/09/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
71	C106DN1248	Hoàng Thị	Nghĩa	01/11/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
72	C106DN1215	Đặng Thị Minh	Nguyệt	16/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
73	C106DN1489	Trương Thị Phương	Nhi	25/12/1986	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-1
74	C106DN1206	Dương Lê Quỳnh	Như	22/03/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
75	C106DN1239	Nguyễn Khánh	Nhung	11/10/1985	Thừa Thiên Huế	Khá	HU07DN-1
76	C106DN1304	Võ Lư Hoàng	Oanh	10/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
77	C106DN1273	Trần Thị Thu	Phương	01/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
78	C106DN683	Nguyễn Trần Thanh	Phúc	16/02/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
79	C106DN1325	Đinh Thị Hoài	Tâm	15/03/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
80	C106DN1472	Cồ Ngọc Minh	Tâm	06/10/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
81	C106DN685	Lê Thị Thanh	Tâm	21/10/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
82	C106DN1229	Nguyễn Thị	Thanh	04/03/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
83	C106DN1475	Nguyễn Thị	Thảo	21/08/1981	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-1
84	C106DN1254	Đặng Hữu	Thiên	24/11/1986	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
85	C106DN1328	Nguyễn Thị	Thương	20/11/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
86	C106DN1275	Hoàng Thị Thu	Thùy	14/12/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
87	C106DN1477	Nguyễn Thị Phương	Thúy	20/03/1983	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-1
88	C106DN1202	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	29/07/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
89	C106DN1240	Phan Thị	Thủy	12/05/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
90	C106DN1296	Đinh Thị	Thủy	07/11/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
91	C106DN1411	Ngô Thị Thủy	Tiên	02/02/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-1
92	C106DN1412	Lê Thị Hoàn	Toàn	16/10/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
93	C106DN1212	Nguyễn Hải Diệu	Trang	16/09/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
94	C106DN1233	Phạm Hồ Khánh	Trang	13/07/1978	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
95	C106DN1241	Huỳnh Thị Thu	Trang	12/12/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
96	C106DN1430	Ngô Thị Như	Trang	05/01/1984	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-1
97	C106DN1300	Trần Quang Bảo	Trình	02/04/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
98	C106DN1261	Trương Công	Trực	28/06/1986	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
99	C106DN1413	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	18/02/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
100	C106DN1201	Cao Thị Thúy	Vân	21/04/1983	Đắk Lắk	Khá	HU07DN-1
101	C106DN1301	Lưu Thị Hồng	Vân	07/03/1983	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-1
102	C106DN1364	Lê Thị	Vân	07/11/1968	Thanh Hoá	Trung bình	HU07DN-1
103	C106DN1221	Phan Thị Thanh	Xuân	16/04/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-1
104	C106DN1222	Châu Thị	An	10/09/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
105	C106DN1333	Nguyễn Thị Kim	Anh	10/07/1983	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
106	C106DN1414	Nguyễn Quốc Nam	Anh	20/02/1986	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
107	C106DN1498	Nguyễn Lan	Anh	30/03/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
108	C106DN1307	Lê Thị Loan	Ảnh	07/06/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
109	C106DN1236	Võ Đức	Bình	30/03/1983	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-2
110	C106DN1368	Nguyễn Thị Liên	Chi	09/07/1971	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
111	C106DN674	Nguyễn Thị Mỹ	Diệp	08/04/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
112	C106DN1369	Trương Xuân	Dương	05/04/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
113	C106DN1395	Võ Thị	Giang	21/05/1984	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-2
114	C106DN1225	Lê Thị Thu	Hằng	06/07/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
115	C106DN1310	Trần Thị Mỹ	Hạnh	05/07/1983	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
116	C106DN1440	Phan Thị Hồng	Hạnh	14/08/1977	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
117	C106DN1482	Trương Thị	Hà	23/01/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
118	C106DN1264	Đặng Thị	Hải	30/08/1983	Nghệ An	Khá	HU07DN-2
119	C106DN1226	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	06/07/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
120	C106DN1497	Nguyễn Đắc	Hưng	06/04/1979	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
121	C106DN1373	Hồ Thị Thanh	Hương	08/01/1983	Đồng Nai	TB Khá	HU07DN-2
122	C106DN1345	Nguyễn Thị	Hường	28/06/1984	Hải Dương	TB Khá	HU07DN-2
123	C106DN1486	Nguyễn Thị Thanh	Hường	22/03/1984	Quảng Nam	TB Khá	HU07DN-2
124	C106DN1375	Nguyễn Thị Kim	Kết	17/09/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
125	C106DN1247	Phan Thị Mỹ	Lan	21/12/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
126	C106DN681	Nguyễn Thị Huyền	Linh	15/10/1984	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
127	C106DN1319	Nguyễn Thị Hồng	Loan	25/01/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
128	C106DN1320	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	05/04/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
129	C106DN1382	Phạm Thị Mai	Ly	20/02/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
130	C106DN1348	Lê Thị Bình	Minh	03/10/1980	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-2
131	C106DN1349	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	11/09/1972	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
132	C106DN1207	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	02/02/1984	Thừa Thiên Huế	Khá	HU07DN-2
133	C106DN1227	Trần Thị Thanh	Nga	27/02/1982	Quảng Bình	TB Khá	HU07DN-2
134	C106DN1322	Lê Thị Thanh	Nga	07/11/1973	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
135	C106DN1384	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/12/1966	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
136	C106DN1286	Hồ Thị Kim	Nhật	31/01/1986	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
137	C106DN1271	Lê Thị Ngọc	Nhiều	03/06/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
138	C106DN1288	Nguyễn Thị Phương	Nhung	21/09/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
139	C106DN1423	Chế Thị Hồng	Nhung	17/10/1981	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
140	C106DN1448	Lê	Nin	25/03/1983	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
141	C106DN1460	Nguyễn Thị Tú	Oanh	11/07/1980	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-2
142	C106DN1450	Trần Đức	Phong	23/09/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
143	C106DN1203	Hoàng Thị	Phượng	04/03/1985	Quảng Trị	TB Khá	HU07DN-2
144	C106DN1216	Nguyễn Thị Lan	Phượng	03/09/1984	Nghệ An	Khá	HU07DN-2
145	C106DN1290	Nguyễn Thị Xuân	Quế	17/09/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
146	C106DN1388	Đỗ Thị Kim	Quế	25/05/1982	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
147	C106DN1228	Lê Thị Thanh	Tâm	16/02/1973	Nghệ An	TB Khá	HU07DN-2
148	C106DN1357	Trần Thanh	Tâm	22/10/1984	Quảng Trị	TB Khá	HU07DN-2
149	C106DN1218	Lê Thị	Thanh	01/07/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
150	C106DN1219	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/07/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
151	C106DN1326	Phan Đức	Thọ	12/02/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
152	C106DN1407	Tô Thị	Thọ	13/02/1972	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
153	C106DN1408	Hoàng Thị Minh	Thu	10/01/1972	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
154	C106DN1297	Nguyễn Thị Kim	Thúy	24/04/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
155	C106DN1230	Trần Thị Bích	Thủy	06/03/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
156	C106DN1276	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	05/10/1985	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
157	C106DN1232	Nguyễn Thị Nhật	Tiên	09/11/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
158	C106DN1360	Võ Thị	Tinh	20/09/1978	Thừa Thiên Huế	Trung bình	HU07DN-2
159	C106DN1259	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	26/08/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
160	C106DN1260	Nguyễn Trần Diệu	Trang	12/02/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
161	C106DN1299	Nguyễn Thị Đoan	Trang	22/07/1983	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
162	C106DN686	Hoàng Thị Anh	Tuyết	25/11/1982	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
163	C106DN1234	Lê Đức Quỳnh	Vân	04/12/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
164	C106DN1278	Hồ Thị Anh	Vân	14/02/1985	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2
165	C106DN1262	Tạ Thị Tâm	Ý	01/01/1984	Thừa Thiên Huế	TB Khá	HU07DN-2

Danh sách này có 165 sinh viên